

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ VÕ
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập □ Tự do □ Hạnh phúc**

- Bản án số: 23/2019/DS-ST
- Ngày: 29/11/2019.
- V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH

NHÓC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ- TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Hoàng Ngọc Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Sách.

2. Ông Nguyễn Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Huy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Võ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương -Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Võ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2019/TLST- DS ngày 19/6/2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST- DS ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Văn P, sinh năm 1963. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1979 (Vợ anh T). Có mặt.

Cùng địa chỉ: Quảng Lãm, Hán Quảng, Quế Võ, Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn là Bùi Văn P trình bày:

Do có quan hệ họ hàng và cùng làng với nhau nên vợ chồng anh T chị Ph có vay tôi tiền nhiều lần để lấy vốn làm ăn chăn nuôi lợn và vịt. Ngày 30/9/2016 âm lịch, hai bên có chốt nợ với nhau, vợ chồng anh T, chị Ph còn nợ tôi số tiền gốc là 190.000.000đ. Chị Ph có ký nhận nợ với tôi số tiền trên, hẹn sẽ trả tôi số tiền trên trong vòng 06 tháng, tôi và chị Ph có thỏa thuận miệng về lãi suất là 2%/tháng. Đến hạn trả nợ tôi đòi nhiều lần nhưng vợ chồng T, Ph không trả tôi được đồng nào.

Nay tôi khởi kiện ra Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh T, chị Ph phải trả tôi số tiền vay nợ gốc ở trên là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng chẵn). Cộng với số tiền lãi tính từ 30/9/2016 âm lịch, tức ngày 30/10/2016 đến nay, tính tròn 36 tháng, tại phiên tòa tôi yêu cầu với mức lãi suất là 0,75 %/tháng, số tiền lãi là 51.300.000đ (Năm một triệu ba trăm nghìn đồng chẵn). Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 241.300.000đ (Hai trăm bốn mươi một triệu ba trăm nghìn đồng chẵn).

Về án phí vợ chồng anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra tôi không trình bày và yêu cầu gì khác. Tôi cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác cho Tòa án.

Theo bị đơn là vợ chồng anh Bùi Văn T trình bày:

Do có quan hệ họ hàng và ở cùng thôn, nên vợ chồng tôi có đặt vấn đề vay tiền của ông P để làm ăn chăn nuôi. Vợ tôi là Nguyễn Thị Ph đã trực tiếp vay của ông P nhiều lần. Ngày 30/9/2016 (*Âm lịch*) vợ tôi và ông P đã chốt nợ, vợ chồng tôi còn nợ ông P là 190.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi triệu đồng chẵn*), và hẹn trả số tiền trên cho ông P trong vòng 06 tháng. Vợ tôi có ký nhận nợ số tiền này cho ông P. Còn việc giữa vợ tôi và ông P có thỏa thuận miệng về lãi suất hay không thì tôi không rõ, vì không thấy ghi vào giấy nhận nợ.

Từ đó đến nay do chăn nuôi không hiệu quả, giá cả thị trường rẻ nên chúng tôi bị thua lỗ, nên vợ chồng tôi chưa trả cho ông P được đồng nào. Chúng tôi khẳng định chỉ còn nợ ông P với tổng số tiền gốc là 190.000.000 đồng.

Nay ông P kiện vợ chồng tôi ra Tòa án đòi số tiền gốc và lãi ở trên, thì quan điểm của vợ chồng tôi là có vay thì sẽ có trả, nhưng tôi đề nghị Tòa án xem xét lại về yêu cầu trả lãi suất của ông P, vì vợ chồng tôi không thỏa thuận về lãi suất với ông P. Chúng tôi công nhận khoản tiền gốc mà vợ chồng tôi còn nợ ông P là 190.000.000 đồng. Nhưng hiện nay vợ chồng tôi làm ăn thua lỗ, bị phá sản, nên đề nghị ông P cho vợ chồng tôi được trả nợ dần hàng tháng, mỗi tháng chúng tôi xin trả 4.000.000 đồng, kể từ tháng 11 năm 2019. Nếu ông P không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị Ph nhất trí vợ chồng chị sẽ trả nợ tiền gốc cho ông P là 190.000.000đ, còn tiền lãi thì vợ chồng chị xin. Quá trình vay chị cũng trả cho ông P được một số tiền lãi, nhưng không có giấy tờ gì, ông P không công nhận thì thôi.

Ngoài ra chúng tôi không có yêu cầu gì khác và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác cho Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Về cơ bản đã đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Võ xem xét, quyết định: Áp dụng các Điều 463, 466, 468- Bộ luật dân sự năm 2015 : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn P, buộc vợ chồng anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Ph phải trả cho ông Bùi Văn P số tiền vay nợ gốc là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng chẵn). Cộng với số tiền lãi tính từ 30/9/2016 âm lịch, tức ngày 30/10/2016 đến nay, tính tròn 36 tháng, với mức lãi suất là 0,75 %/tháng, số tiền lãi là 51.300.000đ (Năm một

triệu ba trăm nghìn đồng chẵn). Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 241.300.000đ (Hai trăm bốn mươi một triệu ba trăm nghìn đồng chẵn).

Áp dụng nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Vợ chồng anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa , căn cứ và o kết quả tranh luận tại phiên tòa , Hội đồng xét xử nhận định: Do có quan hệ họ hàng và cùng làng nên vợ nên chồng anh T có đặt vấn đề vay tiền của ông P để làm ăn chăn nuôi. Trực tiếp vợ anh T là chị Ph đã vay của ông P nhiều lần. Ngày 30/9/2016 (Ấm lịch) chị Ph và ông P đã chốt nợ, vợ chồng chị Ph còn nợ ông P số tiền là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng chẵn), và hẹn trả số tiền trên cho ông P trong vòng 06 tháng. Quá trình vay đến hạn vợ chồng anh T không trả ông P được đồng nào. Nay ông P đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh T, chị Ph phải trả ông số tiền vay nợ gốc ở trên là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng chẵn). Cộng với số tiền lãi tính từ 30/9/2016 âm lịch, tức ngày 30/10/2016 đến nay, tính tròn 36 tháng với mức lãi suất là 0,75 %/tháng, tính ra số tiền lãi là 51.300.000đ (Năm một triệu ba trăm nghìn đồng chẵn). Tổng cộng buộc vợ chồng anh T phải trả ông cả tiền gốc và lãi là 241.300.000đ (Hai trăm bốn mươi một triệu ba trăm nghìn đồng chẵn). Về án phí vợ chồng anh T phải chịu theo quy định của pháp luật. Ông không chấp nhận cho vợ chồng anh T trả dần, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về phía vợ chồng anh T trình bày thống nhất như ông P trình bày về việc vợ chồng anh còn nợ ông P số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng chẵn), như giấy nhận nợ ông P cung cấp cho Tòa án là đúng. Còn lãi suất thì đề nghị Tòa án xem xét lại, vì vợ chồng anh không thỏa thuận về lãi suất với ông P. Nếu hợp lý thì chúng tôi sẽ đồng ý trả cả tiền gốc và tiền lãi cho ông P. Nhưng hiện nay vợ chồng anh làm ăn thua lỗ, bị phá sản, nên đề nghị ông P cho vợ chồng anh được trả nợ dần hàng tháng, mỗi tháng trả 4.000.000 đồng, kể từ tháng 11 năm 2019. Nếu ông P không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định theo quy định của pháp luật.

Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc vợ chồng anh T phải trả cho ông P số tiền vay nợ gốc là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng chẵn).

Đối với tiền lãi không ghi trong hợp đồng, hai bên không thỏa thuận được lãi suất. Vợ chồng anh T xác định nếu lãi suất hợp lý thì vợ chồng anh sẽ đồng ý trả. Nay ông P chỉ yêu cầu vợ chồng anh T trả lãi với mức lãi suất là 0,75%/tháng, tính từ 30/9/2016 âm lịch, tức ngày 30/10/2016 đến nay, tính tròn 36 tháng, tính ra số tiền lãi là 51.300.000đ (Năm một triệu ba trăm nghìn đồng chẵn). Xét yêu cầu về lãi suất của ông P phù hợp với quy định của pháp luật,

phù hợp với hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về lãi suất, nên được chấp nhận. Tổng cộng buộc vợ chồng anh T phải trả cho ông P cả tiền gốc và lãi là 241.300.000đ (Hai trăm bốn mươi một triệu ba trăm nghìn đồng chẵn).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng anh T phải chịu theo qui định của pháp luật.

Về áp dụng pháp luật, vì xác định đây là giao dịch dân sự đang được thực hiện, có nội dung phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015. Nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết, theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 688, Bộ luật dân sự năm 2015(Điều khoản chuyển tiếp).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điểm a, Khoản 1, Điều 688, Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 468- Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 235, 144, 147, 161, 271, 273- Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Bùi Văn P, buộc vợ chồng anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Ph phải trả cho ông P số tiền vay nợ gốc là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng chẵn). Cộng với số tiền lãi tính từ 30/9/2016 âm lịch, tức ngày 30/10/2016 đến nay, tính tròn 36 tháng với mức lãi suất là 0,75 %/tháng, tính ra số tiền lãi là 51.300.000đ (Năm một triệu ba trăm nghìn đồng chẵn). Tổng cộng buộc vợ chồng anh T phải trả cho ông P cả tiền gốc và lãi là 241.300.000đ (Hai trăm bốn mươi một triệu ba trăm nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông P, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng vợ chồng anh T còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất theo Điều 468, Bộ luật dân sự, t-ong ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thi hành theo qui định tại Điều 2- Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9- Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng anh T phải chịu 12.065.000đ. Trả lại cho ông P số tiền tạm ứng án phí 7.273.000đ theo biên lai thu số 02991 ngày 19/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nội nhân:

- TAND tỉnh.
- VKSND tỉnh, huyện.
- Thi hành án.
- Các đ- ơng sự.
- L- u hồ sơ, VP.

Hoàng Ngọc Sơn

THÀNH VIÊN ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Sách Nguyễn Văn Nam

Hoàng Ngọc Sơn